

MUA - Giá mục tiêu: 14.800 VND

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu DBC với định giá cổ phiếu ở mức 14.800 đồng/cổ phần. Hoạt động của công ty đang gặp khó khăn, lợi nhuận của công ty giảm trong năm 2022-2023 nhưng sẽ ổn định và tăng trưởng trở lại khi chu kỳ giá hàng hoá nguyên liệu giảm trong các năm tiếp sau.

Thông tin cập nhật

Hoạt động kinh doanh :

Trong 9 tháng đầu năm, mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi bị suy giảm lợi nhuận nhưng nhờ các dự án bất động sản hoàn thành và hạch toán 843 tỷ đồng doanh thu và 364 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong quý 3 giúp DBC đạt lợi nhuận trước thuế lũy kế 305,5 tỷ đồng.

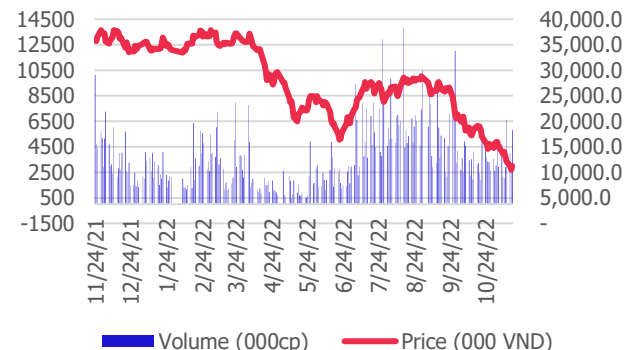
Triển vọng quý 4.2022

Chúng tôi dự báo trong quý 4, diễn biến giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào vẫn ở mức cao trong khi giá đầu ra không tăng. Phần doanh thu và lợi nhuận mảng bất động sản đã hạch toán trong quý 3/2022 nên doanh thu quý 4 dự báo đạt 2.221 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt mức 26 tỷ đồng, đưa doanh thu cả năm lên mức 11.561 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 331 tỷ đồng, tăng 6,9% về doanh thu và giảm 66% về lợi nhuận so với 2021.

Rủi ro đầu tư

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng giá làm giảm biên lợi nhuận gộp:** tình hình địa chính trị vẫn phức tạp, diễn biến lạm phát và tỷ giá vẫn đang trong giai đoạn phức tạp. Giá nông sản nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi có thể biến động mạnh.
- Dịch bệnh gia súc, gia cầm** làm ảnh hưởng đến sản xuất con giống, chăn nuôi và tái đàn.
- Vấn đề thủ tục, pháp lý** có thể phát sinh tại các dự án bất động sản đang triển khai.

Giao dịch cổ phiếu DBC



	1T	3T	6T	12T
DBC	-41,1%	-60,0%	-50,4%	-65,3%
VNINDEX	-10,3%	-26,0%	-24,0%	-35,7%

Ngày báo cáo	15/11/2022
Giá hiện tại	11.250 VND
Giá mục tiêu	14.800 VND
Tỷ lệ Tăng/giảm	+31,6%
Mã Bloomberg	DBC VN Equity
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng)	2.722,52
Biến động giá 52 tuần	9.820-37.900
Khối lượng GDBQ 52 tuần	2.980.192
Giá trị GDBQ 52 tuần (nghìn đồng)	97.735.954
Tỷ lệ Sở hữu nước ngoài	4,66%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.813	11.561	11.102	12.246	13.273
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.853	1.295	1.046	1.382	1.549
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	%	17,1	11,2	9,4	11,3	11,7
EBIT	Tỷ đồng	1.162	514	296	542	639
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	980	331	43	282	392
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	830	298	38	254	353
Thu nhập mỗi cp-EPS	Đồng	6.786	1.092	140	930	1.291
<i>Tăng trưởng EPS</i>	%	-44,7	-83,9	-87,2	564,3	38,6
P/E	Lần	4,70	58,61	457,14	68,82	49,57
P/B	Lần	1,60	3,11	3,08	3,08	3,01
EV/EBITDA	Lần	2,78	4,73	5,16	3,63	2,99
ROE	%	17,7	6,0	0,8	5,0	6,9
ROA	%	8,0	2,7	0,3	2,2	2,9

Lợi nhuận giảm sau 2 năm tăng trưởng cao

- Lợi nhuận giảm do biến động giá nông sản thế giới**

Trong năm 2022, công ty đặt kế hoạch doanh thu tăng trưởng 12,8%, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 10,7% tương ứng 918 tỷ đồng. Kế hoạch đặt ra trên cơ sở thận trọng với giá lợn hơi ở mức 58.000đ/kg.

- 9 tháng đầu năm doanh thu tăng 20,5% trong khi lợi nhuận trước thuế giảm 62,5% so với cùng kỳ năm trước**

Theo báo cáo tài chính quý 3, doanh thu đạt 3.566,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 250,4 tỷ đồng tăng lần lượt 33% và 48,3% so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 9.339,1 tỷ đồng tăng 20,5% và lợi nhuận trước thuế đạt 305,5 tỷ đồng giảm 62,5% so với cùng kỳ, thực hiện 25% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Lợi nhuận quý 3 tăng chủ yếu nhờ 843 tỷ đồng doanh thu và 364 tỷ đồng lợi nhuận gộp từ bất động sản.

- Triển vọng quý 4 và cả năm 2022:**

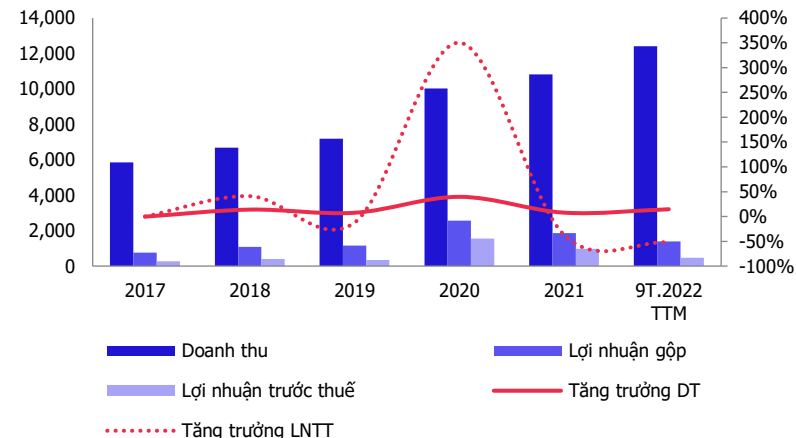
Giá thịt lợn hơi sau khi tạo đỉnh vào tháng 7 đã giảm xuống mức trung bình 58.000đ/kg do giá tại Trung Quốc và Thái Lan có xu hướng giảm ngắn hạn. Tuy nhiên, dự báo giá thịt lợn có thể tăng trở lại do nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại vào cuối năm. Màng chăn nuôi vẫn đang gặp khó khăn.

Giá bán thức ăn chăn nuôi đã được điều chỉnh tăng nhưng vẫn thấp hơn mức tăng giá nguyên vật liệu đầu vào nên biên lợi nhuận vẫn giảm.

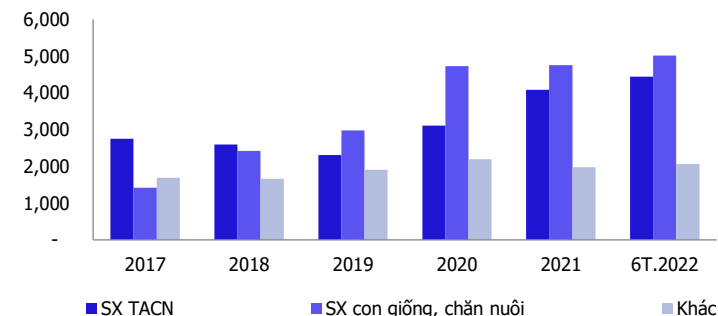
Màng bất động sản đã được công ty hạch toán doanh thu 807 tỷ đồng trong quý 3 nên đóng góp của mảng này trong quý 4 sẽ không nhiều. Doanh thu sẽ tập trung ở hai mảng hoạt động chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất con giống, chăn nuôi.

Dự báo doanh thu quý 4 đạt 2.221 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt mức 26 tỷ đồng, đưa doanh thu cả năm lên mức 11,561 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 331 tỷ đồng, tăng 6,9% về doanh thu và giảm 66% về lợi nhuận so với 2021.

Doanh thu và lợi nhuận



Doanh thu SX TACN và Chăn nuôi (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, DBC, KNC MBS

Tình hình tài chính ổn định

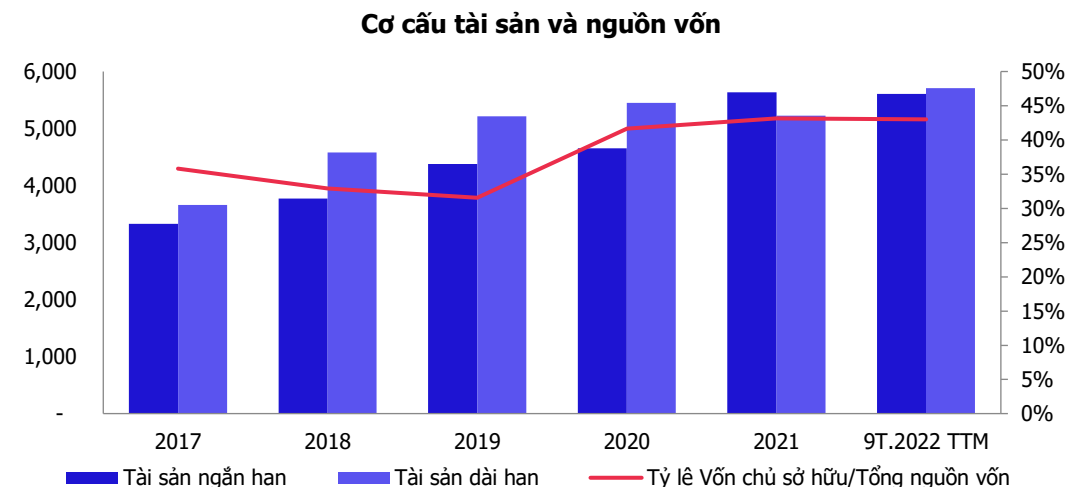
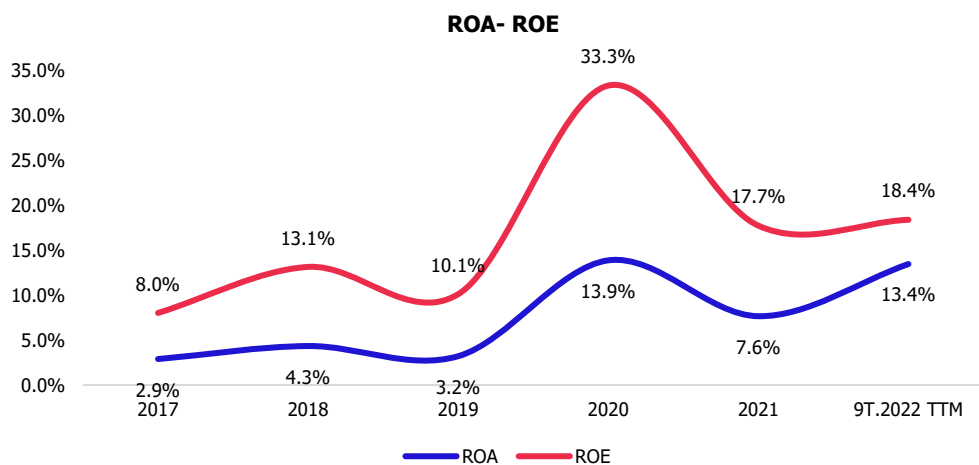
Đến tháng 9.2022, Tổng tài sản đạt 11,314 tỷ đồng, tăng thêm 452 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu tăng ở tài sản dở dang dài hạn là các dự án chăn nuôi đang được đầu tư.

Tiền, tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn vẫn đi ngang so với đầu năm. Khả năng thanh toán hiện hành ở mức 2,1 lần.

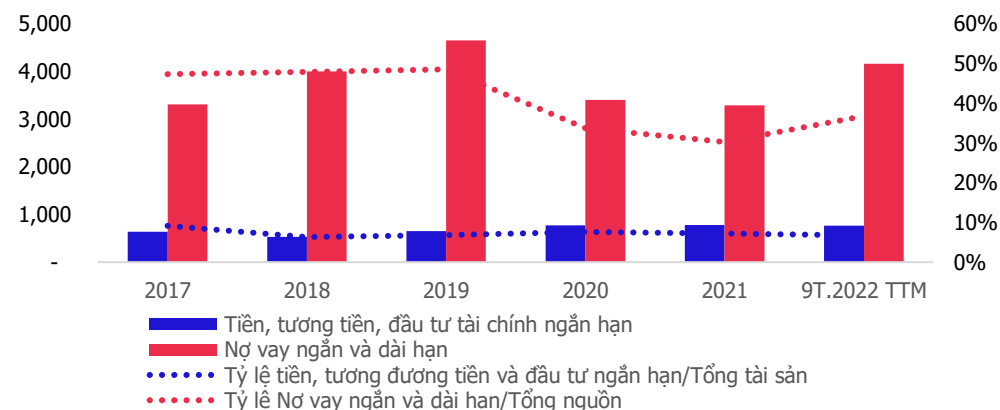
Khoản phải thu, hàng tồn kho vẫn được kiểm soát tốt, không có sự biến động bất thường, lần lượt chiếm tỷ trọng 5,1% và 36,8% Tổng Tài sản.

Vay nợ ngắn và dài hạn tăng 876,9 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó nợ ngắn hạn tăng 769,4 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ vay/tổng nguồn vốn tăng so với 2021 nhưng vẫn ở mức thấp hơn trước năm 2020.

Vốn chủ sở hữu được gia tăng thêm 168,8 tỷ đồng từ lợi nhuận trong kỳ.



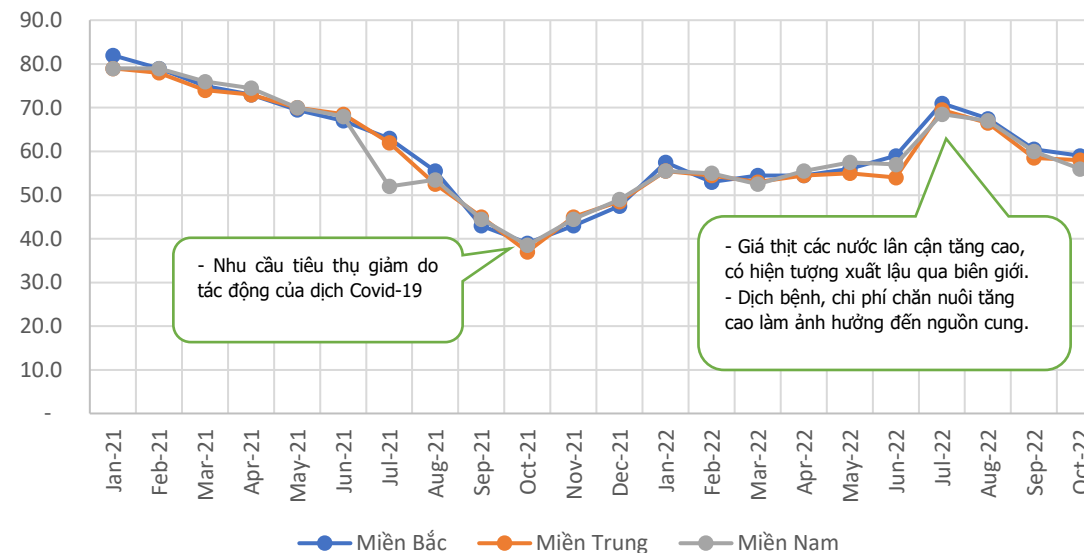
Tiền, tương đương tiền, tiền gửi và Nợ vay ngắn và dài hạn



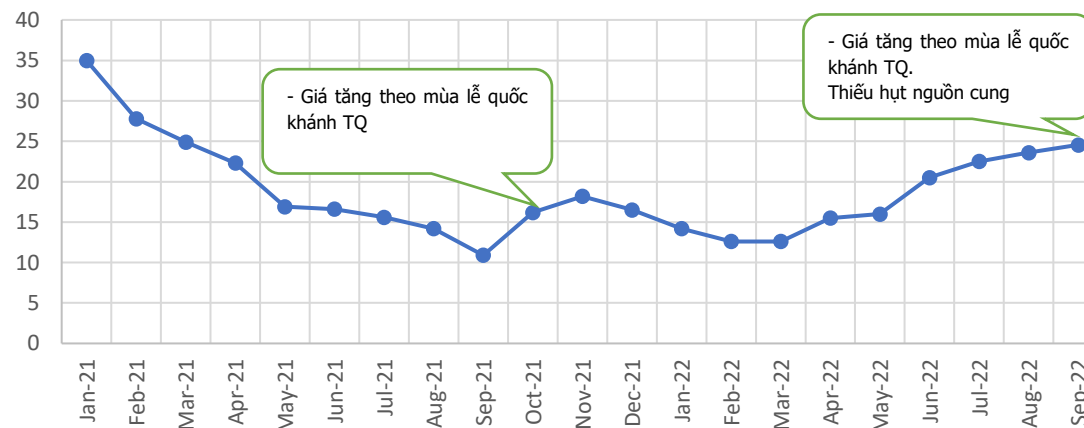
Dự báo hoạt động sản xuất và kết quả kinh doanh của DBC

- Kết quả kinh doanh của Tập đoàn Dabaco được chúng tôi dự báo trên biến động kết quả **Sản xuất thức ăn chăn nuôi và Chăn nuôi lợn, gia cầm** của công ty là 2 mảng kinh doanh lớn nhất của công ty. Mảng bất động sản thiếu thông tin và có tính bất thường nên chúng tôi ước tính doanh thu sẽ ở mức trung bình các năm trước sau khi các dự án bất động sản đã hạch toán vào quý 3 năm 2022 hơn 800 tỷ đồng doanh thu. Mảng kinh doanh dịch vụ (khách sạn, nhà hàng, siêu thị) chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng doanh thu và có tốc độ tăng trưởng ổn định. Mảng kinh doanh khác sẽ có sự tăng trưởng nhanh hơn từ năm 2024 khi nhà máy ép dầu đi vào hoạt động nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp.
- Mảng Sản xuất thức ăn chăn nuôi và Chăn nuôi có mối tương quan với nhau và ảnh hưởng trực tiếp từ Đầu vào - giá nguyên liệu (lúa mì, ngô, đậu tương) và Đầu ra – giá thịt lợn hơi.
 - Do Việt Nam phải nhập khẩu phần lớn lúa mì, ngô, đậu tương làm thức ăn chăn nuôi nên biến động giá nguyên liệu chính là biến động giá hàng hoá thế giới. Biến động giá thế giới bị ảnh hưởng bởi (i) tính chu kỳ và (ii) sự kiện bất thường. Giá nguyên liệu nhập khẩu tăng sẽ làm giảm lợi nhuận mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi do giá bán thức ăn chăn nuôi điều chỉnh tăng chậm hơn giá tăng nguyên liệu.
 - Giá thịt lợn hơi biến động dựa trên cung – cầu thị trường trong nước và giá thịt lợn Trung Quốc. Tuy nhiên, giá thịt lợn trong nước vẫn có sự điều tiết nhất định từ các biện pháp kiểm soát của chính phủ. Các nhà máy không thể đẩy chi phí vào giá bán ra.

Giá thịt lợn trong nước (nghìn đồng/kg)



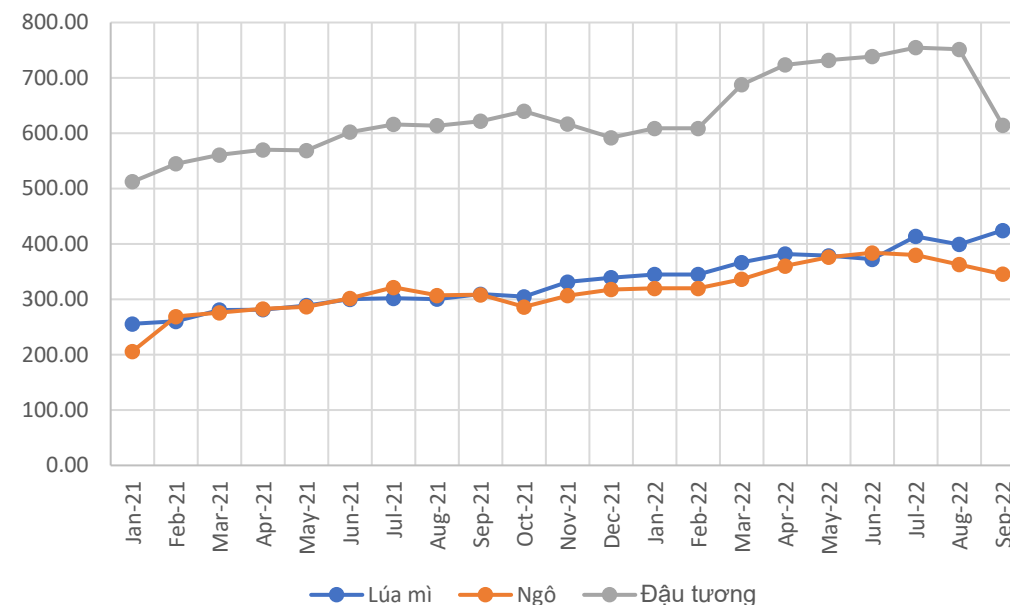
Giá thịt lợn Trung Quốc (RMB/kg)



Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022-2023

- Năm 2022 gặp nhiều biến động bất lợi, Công ty sẽ không hoàn thành kế hoạch đề ra từ đầu năm. Tổng doanh thu cả năm 2022 dự báo đạt 11.561 tỷ đồng, tăng 6,9% so với 2021. Lợi nhuận trước thuế dự báo đạt 1,961 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 331 tỷ đồng, giảm 66% so với năm 2021 và mới thực hiện được 36,1% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 298 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1.092 đồng.
- Giá thịt lợn tạo đỉnh trong tháng 8 và điều chỉnh giảm nhưng có thể tăng nhẹ trở lại do nhu cầu tiêu thụ dịp cuối năm và Tết.** Giá bình quân đến nay ở miền Bắc là ~59.250 đồng/kg, miền Trung ~57.900 đồng/kg, miền Nam ~58.450 đồng/kg, giảm 3,5-5,15% so với giá bình quân năm 2021. Chúng tôi kỳ vọng giá lợn hơi sẽ phục hồi trở lại trong quý cuối năm do nhu cầu tiêu thụ tăng dịp cuối năm và Tết. Tuy nhiên, giá sẽ khó tăng đột biến do thịt lợn là mặt hàng cần bình ổn giá để kìm chế lạm phát.
- Cục Chăn nuôi dự báo giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục tăng trong năm 2023** do (i) căng thẳng giữa Nga - Ukraine vẫn chưa biết khi nào kết thúc và (ii) các nước sản xuất ngô lớn ở Nam Mỹ, Châu Âu chịu tác động bởi biến động khí hậu và khủng hoảng năng lượng khiến chi phí tăng cao. (iii) áp lực tỷ giá cũng là áp lực lên giá nguyên liệu nhập khẩu.
- Năm 2023 môi trường kinh doanh dự báo vẫn tiếp tục khó khăn. Mảng thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi vẫn chưa hồi phục trở lại trong khi ngành bất động sản đang đối mặt với khó khăn, công ty sẽ không còn phần lợi nhuận đến từ mảng bất động sản xây dựng như năm 2022. Dự báo lợi nhuận công ty sẽ có thể tiếp tục bị suy giảm so với 2022. Lợi nhuận công ty sẽ tạo đáy trong năm 2023 trước khi hồi phục tăng dần trở lại các năm sau.

Giá nông sản nhập khẩu



Nguồn: Bloomberg, DBC, vietnambiz, KNC MBS

Dự báo giai đoạn 2024-2026

- Trong dài hạn, chiến lược phát triển mô hình 3F của công ty sẽ đem lại sự ổn định và tăng trưởng. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, công ty có nền tảng tốt để vượt qua chu kỳ khó khăn của ngành tốt hơn với các công ty mới gia nhập khác.
- Biến động giá sản phẩm nông sản có tính chu kỳ** và có Chúng tôi dự báo giá thịt lợn hơi tăng ổn định 58.000-67.000đ/kg trong giai đoạn 2023-2026 trong khi giá nguyên liệu đầu vào ổn định trở lại giúp biên lợi nhuận các mảng thức ăn chăn nuôi, con giống và lợn thương phẩm quay trở lại mức trung bình các năm trước.
- Chúng tôi cho rằng từ năm 2024 tình hình mảng chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi sẽ dần ổn định trở lại và tăng trưởng trong các năm sau. Biên lợi nhuận mảng chăn nuôi bắt đầu tăng Năm 2024, lợi nhuận gộp mảng chăn nuôi sẽ tăng trở lại, lợi nhuận công ty hồi phục trở lại.

Định giá cổ phiếu

Chúng tôi xác định giá trị cổ phiếu của công ty ở mức 14,800 đồng/cổ phần. Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền FCFE và so sánh P/E, P/B các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và khu vực. Thị trường đang trong downtrend và công ty cũng đang trong chu kỳ giảm lợi nhuận. Do đó, tỷ trọng phương pháp PE cao hơn (50%) do thị trường sẽ quan tâm đến lợi nhuận doanh nghiệp trong thời gian tới.

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFE	17.480
- P/E	8.943
- P/B	25.333
Giá trị trung bình	14.800

Chỉ tiêu	Đơn vị	FY21A	FY22F	FY23F	FY 24F	FY25F	FY26F
Giá heo hơi trung bình	ngìn VNĐ/kg	61,7	58,0	58,0	60,9	63,9	67,1
Sản lượng bán hàng	Nghìn tấn	683	683	713	767,6	802,5	840,7
- Thức ăn chăn nuôi	Nghìn tấn	606	606	636	686	717	749
- Thịt (quy đổi)	Nghìn tấn	77	77	69	73	78	83
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.813	11.561	11.102	12.246	13.273	14.395
Tăng trưởng d,thu	Tỷ đồng	7,9%	6,9%	-4,0%	10,3%	8,4%	8,5%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.853	1.295	1.046	1.382	1.549	1.738
EBIT	Tỷ đồng	1.162	514	296	542	639	736
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	980	331	43	282	392	496
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	830	298	38	254	353	446
Lợi nhuận CĐ CT mẹ	Tỷ đồng	830	298	38	254	353	446
Thu nhập cổ phần	Đồng	6.786	1.092	140	930	1.291	1.632
Tăng trưởng EPS	%	-45%	-84%	-87%	564%	39%	26%

Định giá cổ phiếu

Định giá DCF - FCFE		
Chi phí vốn chủ sở hữu	%	20,23%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	1,00%
Hiện giá dòng tiền 2022-2026F	Tỷ đồng	2.987
Hiện giá dòng tiền sau năm 2026F	Tỷ đồng	1.031
Tiền tương đương tiền cuối năm 2022	Tỷ đồng	777
Giá trị doanh nghiệp	Tỷ đồng	7198,75
Vay nợ dài hạn cuối năm 2022	Tỷ đồng	687
Giá trị vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.230,3
Số lượng cổ phần	Cổ phần	242.001.859
Giá trị cổ phiếu	Đồng/cp	17.480

Hệ số PE-PB

Mã Chứng khoán	Quốc gia	P/B	P/E	Vốn hóa (triệu usd)
MLM VN Equity	Việt nam	2,38	9,87	500,14
BAF VN Equity	Việt nam	1,42	7,08	92,39
MLS VN Equity	Việt nam	0,60	5,04	1,75
AFX VN Equity	Việt nam	1,09	20,6	17,46
WMUU IJ Equity	Indonesia	1,10	7,29	57,27
SIPD IJ Equity	Indonesia	1,90	166,52	64,38
LHIB MK Equity	Malaysia	0,91	36,69	0,07
JPFA IJ Equity	Indonesia	1,23	8,13	639,29
TFG TB Equity	Thái Lan	2,33	8,19	1,25
Trung vị		1,23	8,19	

CTCP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM (HOSE - DBC)



Kết quả kinh doanh	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	10.813	11.561	11.102	12.246	13.273
Giá vốn hàng bán	8.960	10.266	10.056	10.864	11.724
Lợi nhuận gộp	1.853	1.295	1.046	1.382	1.549
Chi phí lãi vay	182	182	253	260	247
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	750	844	810	906	982
Thu nhập khác	59	63	60	67	72
Lợi nhuận thuần hđ kinh doanh	1.103	451	235	476	567
Lợi nhuận trước thuế	980	331	43	282	392
Lợi nhuận sau thuế	830	298	38	254	353
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	830	298	38	254	353
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0

Tài sản- Nguồn vốn	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Tài sản ngắn hạn	5.518	6.059	6.981	7.744	8.564
Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn	777	649	1.694	2.013	2.377
Khoản phải thu	200	214	205	227	246
Hàng tồn kho	4.203	4.816	4.718	5.097	5.500
Tài sản ngắn hạn khác	337	379	364	407	441
Tài sản dài hạn	5.225	5.282	4.704	4.125	3.547
Tài sản cố định	4.582	4.227	3.649	3.070	2.492
Tài sản dở dang dài hạn	468	880	880	880	880
Tài sản dài hạn khác	175	175	175	175	175
Tổng tài sản	10.743	11.341	11.685	11.869	12.111
Nợ phải trả	6.057	6.356	6.662	6.834	6.965
Nợ phải trả ngắn hạn	5.052	5.449	5.861	6.153	6.354
Phải trả người bán ngắn hạn	1.392	1.595	1.563	1.688	1.822
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.480	2.597	3.107	3.120	3.070
Phải trả ngắn hạn khác	1.180	1.256	1.192	1.345	1.462
Nợ phải trả dài hạn	1.005	908	801	681	611
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	687	590	483	363	293
Phải trả dài hạn khác	318	318	318	318	318
Vốn chủ sở hữu	4.686	4.984	5.023	5.035	5.145
Vốn góp của chủ sở hữu	1.152	2.420	2.420	2.420	2.420
Thặng dư vốn cổ phần	418	418	418	418	418
Quỹ đầu tư phát triển	2.520	1.903	1.905	1.920	1.940
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	595	243	279	277	367
Tổng nguồn vốn	10.743	11.341	11.685	11.869	12.111

Lưu chuyển dòng tiền	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	586	487	642	668	726
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	-272	-635	0	0	0
Dòng tiền thuần hđ tài chính	-347	-613	403	-349	-362

Hệ số tài chính	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Hệ số hiệu quả					
Biên lợi nhuận gộp	17,1%	11,2%	9,4%	11,3%	11,7%
EBITDA Margin	15,3%	9,4%	7,9%	9,2%	9,2%
Biên lợi nhuận ròng	7,7%	2,6%	0,3%	2,1%	2,7%
ROE	17,7%	6,0%	0,8%	5,0%	6,9%
ROA	8,0%	2,7%	0,3%	2,2%	2,9%

Hệ số tăng trưởng	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Tăng trưởng doanh thu	7,9%	6,9%	-4,0%	10,3%	8,4%
Tăng trưởng LNTT	183,9%	-78,7%	-87,1%	562,1%	38,8%
Tăng trưởng LNST	171,9%	-78,7%	-87,1%	562,1%	38,8%
Tăng trưởng EPS	114,3%	-91,1%	-87,2%	564,3%	38,8%

Hệ số thanh khoản	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Hệ số thanh toán hiện hành	2,15	2,12	2,53	2,55	2,61
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,30	0,23	0,61	0,66	0,72
Nợ phải trả/Tổng tài sản	29,5%	28,1%	30,7%	29,3%	27,8%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	129,3%	127,5%	132,6%	135,7%	135,4%
Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	6,37	2,82	1,17	2,09	2,58

Hệ số định giá	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
EPS (VND)	6.786	1.092	140	930	1.291
BVPS (VND)	40.662	20.596	20.754	20.805	21.262

Nguồn: DBC, KNC MBS

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Trái phiếu

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huynh Huyh.ChuThe@mbs.com.vn

Thực phẩm – Đồ uống

Nguyễn Thành Công cong1.nguyenthanh@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đinh Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘ SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn